

Bản án số: 205/2018/DS-ST

Ngày: 24/4/2018

V/v Tranh chấp Giao dịch dân sự -
đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN O, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh tình Thanh Phước

Bà Lê Thị Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diệu Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2054/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp giao dịch dân sự - đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1497/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty H – Công ty TNHH MTV

Địa chỉ: Số K đường Đ, phường P, quận G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu D; trú tại: Phòng S chung cư T, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 31/UQ-HCM ngày 04/4/2015) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Quý P; trú tại: Phòng N chung cư M đường D, phường X, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Lê Duy L; trú tại: số E đường Q, phường U, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa Nguyên đơn - Tổng Công ty H- Công ty TNHH MTV (viết tắt là Tổng Công ty H) do Ông Nguyễn Hữu D người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tổng Công ty H là đơn vị chuyên kinh doanh vận tải biển, Chi nhánh Tổng Công ty H tại Thành phố Hồ Chí Minh (V HCM) là đơn vị trực thuộc được giao quản lý, khai thác đội tàu biển trong đó có tàu Vinalines Star.

Ông Nguyễn Phước Quý P là thuyền trưởng được điều động công tác tại tàu Vinaline Star từ ngày 01/10/2007 đến hết ngày 31/12/2008. Trong thời gian công tác, ông P đã nhiều lần tạm ứng tiền phục vụ cho công việc; tổng số tiền ông P đã hoàn trả là 8.570,23 USD tương đương 180.030.981 đồng; số tiền còn nợ 1.200 USD ông P giải trình đã sử dụng trả chi phí làm sổ thiết bị nâng hàng cho tàu tại Ấn Độ, nhưng ông P không có hóa đơn chứng từ để chứng minh. Do đó, Tổng Công ty H yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phước Quý P phải trả cho Tổng Công ty H số tiền còn nợ là 1.200 USD, tương đương 25.433.424 đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Phước Quý P trình bày:

Ông làm việc tại Tổng Công ty H- Chi nhánh Hồ Chí Minh (Vinaline HCM) với chức danh là thuyền trưởng tại tàu Vinaline Star từ ngày 01/10/2007 đến hết ngày 31/12/2008. Trong thời gian công tác, ông có nhiều lần tạm ứng tiền để phục vụ công việc của tàu và đã hoàn tất việc hoàn tạm ứng cho Chi nhánh Tổng công ty. Số tiền tạm ứng 1.200 USD ông đã chi trả tiền làm sổ thiết bị nâng hàng cho tàu Vinaline Star tại Ấn Độ và đã được Trưởng phòng pháp chế đồng ý cho làm để tàu được dỡ hàng nhanh chóng. Ông đã chuyển hồ sơ, chứng từ gốc cho phòng pháp chế để làm thủ tục quyết toán và ông Lê Duy L là nhân viên phòng pháp chế có gửi email cho ông thông báo hồ sơ đã được giám đốc duyệt; việc hồ sơ, chứng từ quyết toán số tiền 1.200 USD bị thất lạc không phải là lỗi của ông. Do đó, ông không đồng ý hoàn trả lại số tiền 1.200 USD, tương đương 25.433.424 đồng theo yêu cầu của Tổng công ty H Việt Nam.

Tại phiên tòa :

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty H yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phước Quý P phải trả cho Tổng Công ty H số tiền còn nợ là 1.200 USD, tương đương 25.433.424 đồng

Ông Nguyễn Phước Quý P không đồng ý trả theo yêu cầu của Tổng Công ty H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Phiên tòa tiến hành với sự có mặt đầy đủ của các thành viên hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa như quy định tại Điều 63. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 237, 239, 250, 260 và đảm bảo nguyên tắc công khai độc lập khách quan, trực tiếp bằng lời nói quy định tại các Điều 12, 14, 15, 16 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 77 và nội quy phiên tòa tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào lời khai của người làm chứng ông Lê Duy L thể hiện ông P đã giao hồ sơ cho ông L để thực hiện quyết toán. Ông L cũng đã bàn giao cho bộ phận tài chính kế toán để thực hiện quyết toán. Đại diện nguyên đơn thừa nhận ông Lê Duy L là cán bộ phòng pháp chế an toàn của công ty. Do đó, có cơ sở xác nhận ông P đã hoàn tất hồ sơ quyết toán cho Tổng công ty H. Như vậy, Tổng công ty H buộc ông P phải trả số tiền còn nợ 1.200 USD, tương đương 25.433.424 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tổng Công ty H – Công ty TNHH MTV có đơn khởi kiện ông Nguyễn Phước Quý P đòi lại số tiền đã tạm ứng cho ông P, trong thời gian ông P làm thuyền trưởng tàu Vinaline Star do Tổng Công ty H Chi nhánh Hồ Chí Minh quản lý; đây là tranh chấp về Giao dịch dân sự - đòi tài sản, thời điểm Tòa án thụ lý vụ án ông P làm việc tại Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền tạm ứng 1.200 USD, tương đương 25.433.424 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Tòa ông Nguyễn Phước Quý P khai số tiền tạm ứng 1.200 USD, ông sử dụng trả tiền chi phí làm sổ thiết bị nâng hàng cho tàu Vinaline Star tại Ấn Độ, ông đã gửi hồ sơ chứng từ cho Phòng pháp chế để làm thủ tục quyết toán; lời khai của ông P được ông Lê Duy L xác nhận đúng, ông L khai ông là chuyên viên phòng Pháp chế sau khi nhận được hồ sơ chứng từ về việc sử dụng số tiền 1.200 USD của ông P gửi, ông đã trình giám đốc duyệt theo quy định của Công ty và chuyển hồ sơ cho phòng Tài chính – Kế toán hoàn tất thủ tục quyết toán

tiền tạm ứng cho ông P; đến thời điểm Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh chuyển giao hồ sơ các tàu cho Tổng Công ty, phòng Tài chính – Kế toán đã làm thất lạc hồ sơ.

Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn xác nhận ông Lê Duy L là nhân viên phòng Pháp chế của Tổng công ty H chi nhánh Hồ Chí Minh, thủ tục quyết toán tiền tạm ứng đúng như ông L trình bày; việc thất lạc một số hồ sơ, chứng từ tại thời điểm chuyển giao giữa Tổng Công ty và chi nhánh Hồ Chí Minh như ông L trình bày là có thật, nhưng không xác định được trong số hồ sơ thất lạc có hồ sơ, chứng từ quyết toán số tiền tạm ứng 1.200 USD của ông P.

Qua lời khai của các đương sự và người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; xét thấy, có căn cứ xác định ông P đã nộp các chứng từ chứng minh việc sử dụng số tiền tạm ứng 1.200 USD phục vụ hoạt động của tàu Vinaline Star, cho phòng Pháp chế để làm thủ tục quyết toán là đã hoàn thành trách nhiệm của ông; việc chuyển giao chứng từ giữa các phòng trong nội bộ Tổng công ty H chi nhánh Hồ Chí Minh không thuộc trách nhiệm của ông P, nên việc hồ sơ chứng từ bị thất lạc ông P không có lỗi. Do đó, yêu cầu của Tổng công ty H đòi ông P trả số tiền 1.200 USD tương đương 25.433.424 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5 và Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tổng Công ty H chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 25.433.424 đồng không được Tòa chấp nhận là 1.271.671 đồng;

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 220, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 và Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không Chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty H – Công ty TNHH MTV đòi ông Nguyễn Phước Quý P trả số tiền 1.200 USD tương đương 25.433.424 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi bốn).

2. Tổng Công ty H – Công ty TNHH MTV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.271.671 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi một), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 635.836 đồng (sáu trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm ba mươi sáu) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2014/0003702 ngày 05/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty H – Công ty TNHH MTV còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 635.835 đồng (sáu trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm ba mươi lăm).

3. Tổng Công ty H – Công ty TNHH MTV và ông Nguyễn Phước Quý P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận O, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận O, TP.HCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thái Hằng